

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 28/5/2021.

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Kiệt

***Các Hội thẩm nhân dân*** Ông Lại Thiện Phong

Ông Danh On

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thái Kim Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Huyền Mao - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 297/2020/TLST–HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25a/2021/QĐXXST–HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Huỳnh Văn T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào đầu năm 2012, chị N và anh Huỳnh Văn T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 30/01/2012. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng anh chị không hợp nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 07 tháng cho đến nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Về quan hệ con chung: Chị N xác định trong quá trình chung sống, giữa chị và anh T có 01 người con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 09/12/2012. Hiện tại cháu Trân đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi cháu Trân nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị N không có yêu cầu gì.

**Đối với bị đơn anh Huỳnh Văn T** không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án, Tòa án có đến nơi cư trú của anh T để lấy lời khai nhưng anh T vắng mặt. Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nơi cư trú của anh T xác định: anh Huỳnh Văn T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nhưng hiện tại anh T vắng mặt nơi cư trú, khi bỏ đi thì không có trình báo hay xin vắng mặt. Từ đó, Tòa án tiến hành niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định pháp luật nhưng đến nay anh Huỳnh Văn T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc Tòa án gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát thì trễ hơn theo quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn T là vợ chồng.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy giấy chứng nhận kết hôn Số: 14; Quyền số: 01/2012; Ngày, tháng, năm đăng ký: 30/01/2012 của UBND xã N.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 09/12/2012 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn T và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Huỳnh Văn T có nơi đăng ký thường trú tại ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị N. Bị đơn anh Huỳnh Văn T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Văn T.

#### **Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 30/01/2012. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh T có phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng anh chị không hợp nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 07 tháng cho đến nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T. Tuy nhiên theo tài liệu chị N cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn lập ngày 30/01/2012 (bản sao có công chứng chứng thực) nhưng không có chữ ký tên của vợ, chồng trên giấy chứng nhận kết hôn. Đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 158/2005/NĐ – CP, ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch do đó giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nêu trên không có giá trị nên coi như chị N và anh T chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Do đó căn cứ vào Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn T là vợ chồng. Đồng thời, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy giấy chứng nhận kết hôn Số: 14; Quyền số: 01/2012; Ngày, tháng, năm đăng ký: 30/01/2012 của UBND xã N.

[2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị N xác định giữa chị và anh Huỳnh Văn T có 01 người con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 09/12/2012. Hiện tại cháu Trân đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trân đang sống cùng chị N và cháu đã có cuộc sống, môi trường ăn, ở, học ổn định. Đồng thời, cháu Trân có nguyện vọng theo sống cùng mẹ là chị N. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Huỳnh Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 09/12/2012 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị N xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Buộc chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị định số 158/2005/NĐ – CP, ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Văn T là vợ chồng.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy giấy chứng nhận kết hôn Số: 14; Quyền số: 01/2012; Ngày, tháng, năm đăng ký: 30/01/2012 của UBND xã N.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Nguyễn Bảo Trân, sinh ngày 09/12/2012 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị N đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0003403 ngày 09/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Kiệt**